

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA  
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3976/QĐ-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Chương trình đào tạo**  
**ngành Ngoại khoa trình độ Thạc sĩ**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH**

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 06 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;*

*Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT-TĐHYKPNT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;*

*Căn cứ biên bản họp Hội đồng Thẩm định Chương trình đào tạo ngành Ngoại khoa trình độ Thạc sĩ ngày 01 tháng 8 năm 2024;*

*Theo đề nghị Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học tại Tờ trình số 609a/TTr-QLĐTSDH ngày 15 tháng 10 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Chương trình đào tạo ngành Ngoại khoa trình độ Thạc sĩ, mã ngành: 8720104. (đính kèm phụ lục)

**Điều 2.** Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2024 – 2025. Trong quá trình thực hiện, Khoa/Bộ môn có nhiệm vụ báo cáo, đề xuất các cập nhật, đánh giá

chương trình đào tạo để điều chỉnh cho phù hợp với thực tế nhu cầu chăm sóc sức khỏe.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Trưởng Khoa/Bộ môn; Trưởng các đơn vị có liên quan và các học viên ngành Ngoại khoa trình độ Thạc sĩ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- HT và các PHT;
- Lưu: VT, P.QLĐTSDH (Ng\_15b).

**HIỆU TRƯỞNG**

**(ĐÃ KÝ)**

**PGS. TS. BS. Nguyễn Thanh Hiệp**

**Phụ lục**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH NGOẠI KHOA TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TĐHYKPNT, ngày tháng năm 2024*  
*của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)*

**I. Thông tin chung Chương trình đào tạo**

- Mã ngành: 8720104
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Định hướng: Nghiên cứu
- Ngành đào tạo: Ngoại khoa (Surgery)
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Phương thức đào tạo: tổ chức đào tạo theo niên chế
- Hình thức tuyển sinh và môn thi tuyển: Theo quy định của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch được mô tả cụ thể trong Thông báo tuyển sinh Sau đại học hàng năm.

- Thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa: 2 năm

**II. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

PLO1: Chẩn đoán, xử trí và quản lý được các bệnh lý Ngoại khoa thường gặp

PLO2: Thực hiện thành thạo một số thủ thuật Ngoại khoa cơ bản và áp dụng được kỹ thuật tiên tiến trong ngành Ngoại khoa

PLO3: Thực hiện nghiên cứu khoa học và phổ biến kết quả nghiên cứu

PLO4: Tham khảo các tài liệu trong nước và quốc tế để nâng cao kiến thức kỹ năng và phục vụ kiến thức chuyên môn

PLO5: Tự học suốt đời và tham dự các lớp đào tạo liên tục để cập nhật kiến thức và nâng cao kỹ năng

PLO6: Giao tiếp thích hợp và hiệu quả với người bệnh, thân nhân và đồng nghiệp

PLO7: Tuân thủ những tiêu chuẩn về y đức, các quy định hành nghề theo pháp luật hiện hành, duy trì các mối quan hệ với bệnh nhân, thân nhân và đồng nghiệp

**III. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

**3.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch**

“Giáo dục toàn diện – Hướng về cộng đồng – Lấy người học làm trung tâm”.

### **3.2. Sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược của Trường**

- Sứ mạng: “Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng”.

- Tầm nhìn: “Phát triển thành một trong những Đại học khoa học sức khỏe hàng đầu trong cả nước, hội nhập quốc tế”.

- Chiến lược:

Phát triển thành Trường Đại học sức khỏe hàng đầu trong nước. Có các chương trình đào tạo chất lượng cao, đạt chuẩn khu vực và quốc tế. Tăng cường nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, lấy người học làm trung tâm với đội ngũ giảng viên được phát triển. Quản trị đại học theo hình thức tiên tiến, dựa trên công nghệ 4.0. Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo.

### **3.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ ngành Ngoại khoa có định hướng nghiên cứu có mục tiêu đào tạo được những bác sĩ có trình độ bậc 7 theo Khung trình độ Quốc gia, cụ thể như sau: đào tạo được những bác sĩ chuyên khoa Ngoại có ý đức, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, khả năng giảng dạy. Chương trình đào tạo có khả năng xác nhận trình độ của người học có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành đào tạo; có kỹ năng phân biệt, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực Ngoại khoa; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực chuyên môn, có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp.

## **IV. CHUẨN ĐẦU VÀO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **4.1. Chuẩn đầu vào**

Người học phải tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu, người học phải tốt nghiệp đại học hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập.

#### 4.2 Danh mục ngành phù hợp đối với người tốt nghiệp trình độ đại học

- Ngành đúng: Bác sĩ Y khoa
- Ngành phù hợp: Không có

#### 4.3 Những ngoại ngữ được chấp nhận trong chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra:

Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Nhật, Tiếng Nga

### V. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 5.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Bảng 1: Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối lượng học tập	Tổng số tín chỉ
1	Học phần chung	5 (8,3%)
2	Học phần cơ sở hỗ trợ	08 (13,3%%)
3	Học phần ngành/chuyên ngành - Học phần bắt buộc - Học phần tự chọn - Học phần chuyên đề nghiên cứu	35 (58,4%) 17 (28%) 06 (10%) 12 (20%)
4	Luận văn	12 (20%)
<b>Tổng cộng</b>		<b>60</b>

#### 5.2. Chương trình đào tạo chi tiết

Bảng 2: Chương trình đào tạo chi tiết

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Tên học phần bằng Tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Tiến trình	
					Lý thuyết	Thực hành	Năm 1	Năm 2
<b>I. HỌC PHẦN CHUNG (5 tín chỉ)</b>								
1	040000031A01	Triết học	Philosophy	3	3	0	X	
2	040000071A02	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	Methodology of Scientific Research	2	2	0	X	
<b>II. HỌC PHẦN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ ( 10 tín chỉ)</b>								

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Tên học phần bằng Tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Tiến trình	
					Lý thuyết	Thực hành	Năm 1	Năm 2
Học phần bắt buộc (08 tín chỉ)								
3	040000052A01	Chẩn đoán hình ảnh	Diagnostic Imaging	2	1	1	X	
4	040000032A13	Sinh học phân tử	Molecular Biology	2	2	0	X	
5	040000082A15	Sư phạm y học	Medical Education	2	2	0	X	
6	040000072A16	Thống kê y học	Biostatistics	2	1	1	X	
<b>III. HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH: 33 tín chỉ</b>								
3.1 Học phần bắt buộc: 17 tín chỉ								
7	040104053A01	Ngoại cấp cứu ngực – bụng	Thoracic and abdominal emergency surgery	3	2	1	X	
8	040104053A02	Ngoại tiêu hóa	Gastroenterology	3	2	1	X	
9	040104053A03	Ngoại gan mật tụy	Hepatobiliary Pancreatic surgery	3	2	1	X	
10	040104053A04	Ngoại lồng ngực – mạch máu	Thoracic and Vascular surgery	3	2	1	X	
11	040104053A05	Ngoại cơ sở	Basic surgery	3	2	1	X	
12	040104053A06	Ngoại thành bụng	Abdominal wall surgery	2	1	1	X	
3.2 Học phần tự chọn: chọn 06 tín chỉ								
13	040104053B01	Hậu môn - sàn chậu	Anal - pelvic floor surgery	3	2	1		X

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Tên học phần bằng Tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Tiến trình	
					Lý thuyết	Thực hành	Năm 1	Năm 2
14	040104053B02	Ngoại niệu	Urology	3	2	1		X
15	040104053B03	Sản phụ khoa	Obstetrics and gynecology	3	2	1		X
16	040104053B04	Chấn thương chỉnh hình	Orthopedic	3	2	1		X
17	040104053B05	Phẫu thuật phổi và lồng ngực	Lung and Thoracic Surgery	3	1	2	X	X
18	040104053B06	Phẫu thuật tim và mạch máu lớn	Cardiac and Major vascular Surgery	3	1	2	X	X
19	040104053B07	Hồi sức tim mạch	Cardiovascular Intensive Care	3	1	2	X	X
20	040104053B08	Chấn thương – Cấp cứu trong Tiết niệu	Traumatic – emergency urology	3	2	1		X
21	040104053B09	Bướu đường tiết niệu	Urological tumor	3	2	1		X
22	040104053B10	Chẩn đoán và điều trị về chấn thương cơ quan vận động	Diagnose and treatment of musleskeletal injury	3	2	1		X
23	040104053B11	Chỉnh hình ở người trưởng thành và người	Orthopeadic in adult and elder patient	3	2	1		X

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Tên học phần bằng Tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Tiến trình	
					Lý thuyết	Thực hành	Năm 1	Năm 2
		nhiều tuổi						
24	040104053B12	Phẫu thuật tạo hình cơ quan vận động	Plastic surgery in musculoskeletal system	3	2	1		X
3.3 Học phần chuyên đề: chọn 12 tín chỉ								
<b>Nhóm học phần 1: Ngoại khoa</b>								
25	040104054B01	Ngoại cấp cứu ngực – bụng	Thoracic and abdominal emergency surgery	4				X
26	040104054B02	Ngoại tiêu hóa	Gastroenterology	4				X
27	040104054B03	Ngoại gan mật tụy	Hepatobiliary Pancreatic surgery	4				X
28	040104054B04	Ngoại lồng ngực – mạch máu	Thoracic and Vascular surgery	4				X
29	040104054B05	Ngoại cơ sở	Basic surgery	4				X
30	040104054B06	Ngoại thành bụng	Abdominal wall surgery	4				X
<b>Nhóm học phần 2: Ngoại lồng ngực mạch máu</b>								
31	040104054B07	Phẫu thuật mạch máu ngoại biên	Peripheral Vascular Surgery	4			X	X
32	040104054B08	Phẫu thuật lồng ngực ít xâm lấn	Minimally Invasive Thoracic Surgery	4			X	X
33	040104054B09	Phẫu thuật tim bẩm	Congenital Heart Surgery	4			X	X



TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Tên học phần bằng Tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Tiến trình	
					Lý thuyết	Thực hành	Năm 1	Năm 2
		sinh						
34	040104054B10	Can thiệp nội mạch	Endovascular Surgery	4			X	X
<b>Nhóm học phần 3: Ngoại niệu</b>								
35	040104054B11	Sỏi niệu và nhiễm khuẩn đường tiết niệu	Urolithiasis and urological infection	4			X	X
36	040104054B12	Niệu nội soi và phẫu thuật nội soi tiết niệu	Endourology – laparoscopic urology surgery	4			X	X
37	040104054B13	Nam học	Andrology	4			X	X
<b>Nhóm học phần 4: Chấn thương chỉnh hình</b>								
38	040104054B14	Các dụng cụ và kỹ thuật kết hợp xương AO thường dùng trong phẫu thuật Chấn thương chỉnh hình	AO Implants and osteosynthesis technique in Orthopaedic surgery	4			X	X
39	040104054B15	Các ứng dụng của vi phẫu tạo hình trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình	Microsurgery application in orthopaedics	4			X	X

TT	Mã học phần	Tên học phần bằng Tiếng Việt	Tên học phần bằng Tiếng Anh	Số tín chỉ	Số tín chỉ		Tiến trình	
					Lý thuyết	Thực hành	Năm 1	Năm 2
40	040104054B16	Bệnh thoái hóa khớp	Osteoarthritis	4			X	X
<b>IV LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP</b>								
41	040104056A03	Luận văn tốt nghiệp	Thesis	12				X
<b>Tổng cộng</b>				<b>60</b>				

### VI. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Bảng 3: Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Tên học phần bằng tiếng Việt	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)						
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
1.	Triết học	2	2	4	3	4	3	4
2.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	5	4	5	2	5
3.	Chẩn đoán hình ảnh	5	5	4	4	2	2	2
4.	Sinh học phân tử	3	3	2	2	2	2	2
5.	Sư phạm y học	3	3	2	2	2	2	2
6.	Thống kê y học	2	2	5	4	3	2	2
7.	Ngoại cấp cứu ngực – bụng	5	5	4	5	3	5	3
8.	Ngoại tiêu hóa	5	5	4	5	3	5	3
9.	Ngoại gan mật tụy	5	5	4	5	3	5	3
10.	Ngoại lồng ngực – mạch máu	5	5	4	5	3	5	3
11.	Ngoại cơ sở	5	5	4	5	3	5	3
12.	Ngoại thành bụng	5	5	4	5	3	5	3
13.	Hậu môn - sàn chậu	5	5	4	5	3	5	3
14.	Ngoại tiết niệu	5	5	4	5	3	5	3
15.	Sản phụ khoa	5	5	4	5	3	5	3

TT	Tên học phần bằng tiếng Việt	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)						
		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
16.	Chấn thương chỉnh hình	5	5	4	5	3	5	3
17.	Phẫu thuật phổi và lồng ngực	5	5	4	5	3	5	3
18.	Phẫu thuật tim và mạch máu lớn	5	5	4	5	3	5	3
19.	Hồi sức tim mạch	5	5	4	5	3	5	3
20.	Chấn thương – Cấp cứu trong Tiết niệu	5	5	4	5	3	5	3
21.	Bướu đường tiết niệu	5	5	4	5	3	5	3
22.	Chẩn đoán và điều trị về chấn thương cơ quan vận động	5	5	4	5	3	5	3
23.	Chỉnh hình ở người trưởng thành và người nhiều tuổi	5	5	4	5	3	5	3
24.	Phẫu thuật tạo hình cơ quan vận động	5	5	4	5	3	5	3
25.	Luận văn tốt nghiệp	5	5	5	5	5	5	5

1: Không đáp ứng

2: Ít đáp ứng

3: Đáp ứng trung bình

4: Đáp ứng nhiều

5: Đáp ứng rất nhiều

**VII. Tổ chức dạy học và phương pháp giảng dạy:** nội dung thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.

### 7.1. Tổ chức dạy học

Tổ chức dạy học trực tiếp: Bộ môn sẽ tổ chức dạy học trực tiếp hầu hết cho tất cả các học phần theo từng lớp học, theo thời khoá biểu của từng học kỳ. Trường có hệ thống phòng học đáp ứng các điều kiện bảo đảm chất lượng phục vụ cho hoạt động dạy và học. Bên cạnh đó hệ thống các cơ sở và thực hành tại các bệnh viện được trang bị nhiều thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy học, trong đó có nhiều thiết bị hiện đại và đạt chuẩn quốc tế.

Tổ chức dạy học trực tuyến: Trường có nguồn tài nguyên học liệu đa phương tiện trên nền tảng số cho tất cả các môn học/học phần của chương trình đào tạo, có các

phòng học đa phương tiện, phòng ghi hình/ghi âm bài giảng phục vụ cho đào tạo trực tuyến. Trong cấu trúc từng học phần/môn học có phương án chuyển đổi giảng dạy theo hình thức kết hợp (blended-learning) với trọng số không quá 30% thời lượng được giảng dạy trên nền tảng số đảm bảo trong mọi tình huống thiên tai, dịch bệnh,... vẫn đáp ứng quy định, yêu cầu dạy và học một cách tốt nhất có thể.

## 7.2. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy học viên phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để học viên đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Bảng 4: Phương pháp giảng dạy

Phương pháp dạy và học	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)						
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
Phương pháp thuyết giảng (Lecture) có lồng ghép dạy học tích cực (Active Learning)	x	x	x	x	x	X	x
Dạy học lâm sàng có người bệnh - Phương pháp Tiểu kỹ năng (Five Micro Skills) - Phương pháp Peyton	x	x	x	x	x	x	x
Dạy học lâm sàng không có người bệnh - Thảo luận ca bệnh (Case based discussion)	x			x	x	x	x
Dạy học dựa trên vấn đề (Problem-based learning)	x	x	x	x	x		x

## 7.3 Học liệu:

- Tài liệu học tập chính: thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.
- Tài liệu tham khảo: thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.

**VIII. Phương pháp kiểm tra đánh giá:** nội dung thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.

## 8.1. Đánh giá quá trình

Đây là hoạt động thường xuyên, liên tục nhằm hỗ trợ người dạy và người học tự đánh giá, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong từng buổi học, làm

cơ sở cho hoàn thành từng tín chỉ, học phần của chương trình đào tạo. Đánh giá quá trình bao gồm (1) Điểm chuyên cần (2) Trình bệnh án (3) Trình chuyên đề

### 8.2. Đánh giá kết thúc học phần

Đây là hoạt động do Trường tổ chức khi kết thúc học kỳ hoặc khi kết thúc học phần trong chương trình đào tạo. Thi học phần lý thuyết theo hình thức trắc nghiệm khách quan, thi học phần thực hành thông qua trình bệnh án.

Bảng 5: Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)						
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7
Thi trắc nghiệm lý thuyết	x	x	x	x	x		x
Trắc nghiệm nhiều lựa chọn	x	x	x	x	x		
Kiểm tra thăm khám lâm sàng, thực hiện thủ thuật chuyên khoa	x	x		x	x	x	x
Thi thực hành cấu trúc theo mục tiêu	x	x		x	x	x	x
Thi tình huống lâm sàng Bài đánh giá lâm sàng cỡ nhỏ	x			x	x	x	x
Trình chuyên đề Thuyết trình	x		x	x	x	x	x
Luận văn	x	x	x	x	x	x	x